

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
(Hệ thống tín chỉ)

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: **Thương mại điện tử**
(Chương trình Tài năng)

Mã ngành: **52.34.01.22**

Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

TP. HCM, năm 2018

MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC.....	1
1. Mục tiêu đào tạo	1
1.1 Mục tiêu chung	1
1.2 Mục tiêu cụ thể.....	1
1.3 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)	2
1.4 Ma trận chuẩn đầu ra – Môn học	7
2. Thời gian đào tạo.....	8
3. Khối lượng kiến thức toàn khóa.....	8
4. Đối tượng tuyển sinh.....	8
5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.....	8
5.1 Quy trình đào tạo.....	8
5.2 Điều kiện tốt nghiệp.....	8
6. Thang điểm.....	8
7. Chương trình đào tạo.....	9
7.1 Tỷ lệ các khối kiến thức:	9
7.2 Cơ cấu các khối kiến thức:.....	9
7.3 Nội dung chi tiết chương trình đào tạo:	10
7.4 Danh mục các môn học tài năng:	16
8. Dự kiến Kế hoạch giảng dạy:.....	17
9. Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp.....	30
9.1 Thực tập tốt nghiệp:	30
9.2 Làm khóa luận tốt nghiệp.....	31
10. Tóm tắt đề cương môn học.....	31
11. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình.....	49
11.1 Danh sách giảng viên cơ hữu.....	49
11.2 Danh sách giảng viên thỉnh giảng	52
12. Danh sách cố vấn học tập.....	54
13. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:.....	54
13.1 Phòng học	54
13.2 Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính/thực hành	54
13.3 Hội trường.	55

<i>13.4 Thư viện</i>	<i>55</i>
<i>13.5 Giáo trình, tập bài giảng của ngành đào tạo</i>	<i>55</i>
14. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	59
15. Dự kiến kế hoạch kiểm định chương trình đào tạo	59
PHỤ LỤC I ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC.....	60
PHỤ LỤC II LÝ LỊCH KHOA HỌC.....

BẢNG TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ nguyên
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CNTN	Cử nhân tài năng
CT	Chương trình
CTĐT	Chương trình đào tạo
GDQP	giáo dục quốc phòng
HTTT	Hệ thống thông tin
HTTTQL	Hệ thống thông tin quản lý
TC	Tín chỉ
TMĐT	Thương mại điện tử

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Tên chương trình: **THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (CHƯƠNG TRÌNH TÀI NĂNG)**

- **Trình độ đào tạo: Đại học**
- **Ngành đào tạo: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**
- **Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung**
- **Mã ngành đào tạo: 52.34.01.22**
- **Trưởng Bộ môn: TS. Lê Hoàn Sử**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kinh tế có kiến thức toàn diện về lĩnh vực thương mại điện tử; có chuyên môn, năng lực và kỹ năng nghề nghiệp vững vàng; cung cấp nguồn nhân lực thương mại điện tử chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và xã hội trong thời đại mới.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu I: Đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực thương mại điện tử: nắm vững nghiệp vụ kinh doanh và thành thạo công nghệ thông tin ứng dụng trong kinh doanh tại doanh nghiệp.

Mục tiêu II: Đào tạo đội ngũ quản lý và có kiến thức vững vàng trong hoạch định, xây dựng và triển khai hoạt động thương mại điện tử tại doanh nghiệp và khả năng quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

Mục tiêu III: Đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu trong việc tổ chức, quản lý và thực hiện toàn bộ quá trình kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử trong doanh nghiệp, có khả năng nhận biết và giải quyết các vấn đề trong hoạt động thương mại điện tử.

Mục tiêu IV: Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

1.3 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)

Chuẩn đầu ra chương trình	Ghi chú
1 CÁC KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	
1.1 CÓ KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH TMĐT	
1.1.1 Toán học	
1.1.2 Tin học	
1.1.3 Kinh tế	
1.1.4 Pháp luật	
1.1.5 Kiến thức về chính trị, xã hội, tâm lý	
1.2 CÓ KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH TMĐT	
1.2.1 Kỹ thuật lập trình	
1.2.2 Phân tích thiết kế hệ thống	
1.2.3 Hạ tầng và an toàn Thương mại điện tử	
1.2.4 Quản trị	
1.2.5 Hệ thống thông tin	
1.2.6 quản lý chuỗi cung ứng	
1.2.7 Thương mại điện tử	
1.2.8 Marketing	
1.2.9 Kế toán – Tài chính	
1.3 CÓ KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	
1.3.1 Thanh toán điện tử	
1.3.2 Pháp luật TMĐT	
1.3.3 Marketing điện tử	
1.3.4 Quản trị TMĐT	

1.3.5 Quản lý dữ liệu	
1.3.6 Công cụ thương mại điện tử	
1.3.7 M- Commerce	
1.3.8 Chiến lược Thương mại điện tử	
2 KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	
2.1 CÓ KHẢ NĂNG LẬP LUẬN, PHÂN TÍCH VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TMĐT	
2.1.1 Xác định và trình bày chính xác các vấn đề TMĐT	
2.1.2 Mô hình hoá	
2.1.3 Ước lượng và phân tích	
2.1.4 Hình thành chiến lược giải quyết vấn đề (Giải pháp và khuyến nghị)	
2.2 CÓ KHẢ NĂNG THỬ NGHIỆM, NGHIÊN CỨU VÀ KHÁM PHÁ TRI THỨC	
2.2.1 Định hình giả thuyết (nêu giả thuyết)	
2.2.2 Khảo sát qua tài liệu và thông tin điện tử (hoặc Khảo sát dữ liệu)	
2.2.3 Có khả năng sử dụng công cụ tin học để giải quyết vấn đề TMĐT	
2.2.4 Tiến hành thử nghiệm	
2.2.5 Phân tích dữ liệu	
2.2.6 Kiểm định giả thuyết, bảo vệ luận điểm	
2.3 CÓ KHẢ NĂNG TƯ DUY TẦM HỆ THỐNG	
2.3.1 Hiểu những kiến thức cơ bản và phương pháp của tư duy hệ thống	
2.3.2 Áp dụng tư duy hệ thống để giải quyết vấn đề	
2.3.3 Đánh giá và cân bằng trong giải quyết	
2.4 CÓ NHẬN THỨC VỀ TƯ TƯỞNG, THÁI ĐỘ VÀ TINH THẦN HỌC TẬP	
2.4.1 Sáng kiến và sẵn sàng quyết định chấp nhận rủi ro	
2.4.2 Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	

2.4.3	Tư duy sáng tạo	
2.4.4	Tư duy suy xét	
2.4.5	Sự tự nhận thức, nhận thức về kiến thức và tích hợp kiến thức	
2.4.6	Học tập và rèn luyện suốt đời	
2.4.7	Quản lí thời gian và nguồn lực	
2.5 ĐẠO ĐỨC, CÔNG BẰNG VÀ CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC		
2.5.1	Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực và trách nhiệm xã hội	
2.5.2	Hành xử chuyên nghiệp	
2.5.3	Có tầm nhìn và định hướng trong cuộc sống	
2.5.4	Cập nhật kiến thức và thông tin trong lĩnh vực kinh doanh	
2.5.5	Chấp nhận sự khác biệt và công bằng	
2.5.6	Tin cậy và gắn bó với tổ chức	
3 LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP		
3.1 LÀM VIỆC NHÓM		
3.1.1	Hình thành nhóm hiệu quả	
3.1.2	Hoạt động nhóm	
3.1.3	Phát triển nhóm	
3.1.4	Lãnh đạo nhóm	
3.1.5	Làm việc với các loại nhóm khác nhau	
3.2 GIAO TIẾP		
3.2.1	Lựa chọn chiến lược giao tiếp	
3.2.2	Lựa chọn cách thức giao tiếp phù hợp	
3.2.3	Giao tiếp bằng văn bản	
3.2.4	Giao tiếp thông qua các phương tiện điện tử và đa truyền thông	

3.2.5	Giao tiếp bằng đồ họa	
3.2.6	Thuyết trình	
3.2.7	Hỏi, nghe và đối thoại	
3.2.8	Đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột	
3.3	GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ	
3.3.1	Giao tiếp bằng tiếng Anh (TOEIC 4 kỹ năng: Nghe, đọc 550; Nói viết 221 hoặc các chứng chỉ khác tương đương)	
4	NĂNG LỰC THỰC HÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, TRIỂN KHAI VÀ VẬN HÀNH TRONG DOANH NGHIỆP TMĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC	
4.1	NHẬN THỨC VỀ BỐI CẢNH TMĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC	
4.1.1	Hiểu rõ vai trò và trách nhiệm cử nhân ngành TMĐT	
4.1.2	Hiểu được những tác động của TMĐT với xã hội và môi trường	
4.1.3	Hiểu được các yêu cầu của xã hội đối với TMĐT	
4.1.4	Nắm bắt các vấn đề và giá trị đương đại	
4.1.5	Phát triển một quan điểm toàn cầu (tmtd (2), chiến lược tmtd...)	
4.2	BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP TMĐT	
4.2.1	biết được sự đa dạng văn hóa doanh nghiệp	
4.2.2	Xác định chiến lược, mục tiêu, và kế hoạch kinh doanh	
4.2.3	nhận diện cơ hội kinh doanh thông qua TMĐT	
4.3	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	
4.3.1	Xây dựng nhu cầu và thiết lập các mục tiêu	
4.3.2	Xác định chức năng, nguyên lý và kiến trúc	
4.3.3	Mô hình hoá dự án TMĐT	
4.3.4	Quản lý phát triển dự án TMĐT	

4.4 THIẾT KẾ	
4.4.1 Phác thảo kế hoạch thực hiện	
4.4.2 Lập kế hoạch xây dựng hạ tầng (phần cứng phần mềm, giải pháp)	
4.4.3 Lập giải pháp tích hợp phần cứng và phần mềm	
4.4.4 Lập kế hoạch kiểm tra, xác nhận, đánh giá và kiểm định	
4.4.5 Lập kế hoạch quản lý vận hành	
4.5 THỰC HIỆN	
4.5.1 Thiết kế quy trình thực hiện	
4.5.2 Tích hợp phần cứng, mềm	
4.5.3 Thử nghiệm, kiểm tra, phê chuẩn, chứng nhận	
4.5.4 Quản lý quá trình thực hiện	
4.6 VẬN HÀNH	
4.6.1 Thiết kế và tối ưu hóa vận hành bền vững và an toàn	
4.6.2 Lên kế hoạch đào tạo và thủ tục thực hiện (Huấn luyện và vận hành)	
4.6.3 Quản lý vòng đời của hệ thống	
4.6.4 Hỗ trợ phát triển và bảo trì hệ thống	

Các chuẩn đầu ra bổ sung cho chương trình CNTT ngành Thương mại điện tử như sau:

Chuẩn đầu ra tiếng Anh cao hơn so với sinh viên chính quy. Chuẩn đầu ra tiếng Anh của sinh viên CNTT là TOEIC 550 so với sinh viên thường là 500.

Kỹ năng trình bày và thuyết trình bằng tiếng Anh tốt. Số sinh viên CNTT viết luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh và trình bày báo cáo luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Anh: 100 %

Các kỹ năng mềm được nâng cao và được rèn luyện, trong đó chú trọng kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng nghiên cứu khoa học. 100% sinh viên CNTT phải tham gia nghiên cứu khoa học (tối thiểu phải có 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường).

1.4 Ma trận chuẩn đầu ra – Môn học

2. Thời gian đào tạo: 4 năm với 8 học kỳ

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

130 tín chỉ không kể khối kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và ngoại ngữ.

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đã trúng tuyển đại học chính quy của trường
- Sinh viên chương trình tài năng có thể bắt đầu được tuyển chọn từ năm thứ nhất và hoặc năm thứ hai với chỉ tiêu xác định.
- Sinh viên phải có kết quả tuyển sinh cao và/hoặc điểm trung bình tích lũy (ĐTBTL) lớn hơn hoặc bằng 7,5; Sinh viên phải tích lũy từ 90% số tín chỉ theo chương trình đào tạo của các học kỳ trước khi xét vào lớp kỹ sư tài năng.
- Sinh viên phải đang học cùng khóa, cùng ngành tương ứng với ngành muốn ứng tuyển vào chương trình tài năng.
- Ban điều hành đề án cấp Khoa chịu trách nhiệm thực hiện công tác sàng lọc và xét tuyển bổ sung. Quyết định chuyển đổi sinh viên giữa chương trình tài năng và chương trình đại trà do Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế - Luật ký và báo cáo về Ban chỉ đạo đề án cấp ĐHQG-TP.HCM.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

5.1 Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3, học kỳ 4.
- Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 7, 8.

5.2 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên sẽ được cấp bằng tốt nghiệp ghi rõ “Chương trình Đào tạo Tài năng” nếu thỏa đủ các điều kiện sau:

- Đang là sinh viên của chương trình tài năng
- Hoàn thành chương trình đào tạo tài năng (đạt số tín chỉ tích lũy ngành và số tín chỉ tài năng tích lũy) và thỏa các điều kiện tốt nghiệp khác theo quy định
- Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn theo kế hoạch giảng dạy
- Có tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học
- Có điểm Luận văn tốt nghiệp từ 7,5 trở lên; có điểm trung bình tích lũy ngành từ 7,5 trở lên và có điểm rèn luyện từ loại Tốt trở lên.
- Có trình độ Anh văn đạt chuẩn tiếng Anh tốt nghiệp chương trình tài năng được quy định trong Quy chế đào tạo và học vụ của trường.

Trường hợp sinh viên chương trình tài năng không thỏa đủ các điều kiện trên nhưng đủ điều kiện xét tốt nghiệp chương trình khác thì được xét cấp bằng tốt nghiệp chương trình khác. Đồng thời những môn học với chương trình tài năng sẽ được bảo lưu điểm và có ghi chú trên bảng điểm tốt nghiệp là môn học tài năng.

6. Thang điểm

Thang điểm sử dụng là thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

7. Chương trình đào tạo: 130 Tín chỉ

7.1 Tỷ lệ các khối kiến thức:

Hệ đào tạo	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng khối lượng kiến thức	Kiến thức cơ bản	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành			TTCK, KLTN	Phân bổ theo bắt buộc và tự chọn			Ghi chú
				Toàn bộ	Cơ sở ngành	Chuyên ngành		Bắt buộc	Tự chọn		
									Yêu cầu trong CTĐT	Được liệt kê để lựa chọn	
Đại học chính quy	4	130	36	84	32	52	4+6	98	32	61	<i>Không kể phần kiến thức: ngoại ngữ (20TC), giáo dục thể chất (5 TC), giáo dục quốc phòng (165 tiết, tương đương 8TC)</i>
		Tỷ lệ (%)	27,7	64,6				7,7			

7.2 Cơ cấu các khối kiến thức:

Khối kiến thức chung toàn trường	Khối kiến thức cơ sở khối ngành	Khối kiến thức cơ sở nhóm ngành	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp
36TC	20TC	12 TC	52 TC	10 TC
28%	15%	9%	40%	8%

7.3 Nội dung chi tiết chương trình đào tạo:

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT	TÍN CHỈ				
				TỔNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	NÂNG CAO	KHÁC
1.1. Khái kiến thức cơ bản (kiến thức giáo dục đại cương): 36 tín chỉ								
1.1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (10 TC)								
Các môn học bắt buộc (10 TC)				10	10			
1	GEN1001	Những nguyên lý của CN Mác – Lênin		5	5			
2	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN		3	3			
3	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	2			
1.1.2. Nhân văn – Kỹ năng: 5 tín chỉ								
Không có môn học bắt buộc								
1	GEN1108	Phương pháp nghiên cứu khoa học		3	3		Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
Các môn học tự chọn (4 TC)				2	2			
1	GEN1101	Tâm lý học		2	2			
2	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2			
3	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm		2	2			
1.1.3. Khoa học xã hội: 4 tín chỉ								
Không có môn học bắt buộc								

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT	TÍN CHỈ				
				TỔNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	NÂNG CAO	KHÁC
Các môn học tự chọn (4 TC)				4	4			
1	GEN1106	Xã hội học		2	2			
2	GEN1105	Văn hóa học		2	2			
3	GEN1103	Địa chính trị thế giới		2	2			
4	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2			
1.1.4. Khoa học kinh tế: 22 tín chỉ								
Các môn học bắt buộc (22 TC)				22	21	1		
1	ECO1001	Kinh tế vi mô 1		3	3			
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1		3	3			
3	BUS1100	Quản trị học căn bản		3	3			
4	ACC1013	Nguyên lý kế toán		3	3			
5	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính		3	3			
6	BUS1200	Marketing căn bản		3	3			
7	MIS1005	Hệ thống thông tin Kinh doanh		2	1	1		
8	COM1001	Kinh tế quốc tế		2	2			
1.1.5. Ngoại ngữ không chuyên: 20 tín chỉ								
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1		5	4	1		
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2		5	4	1		

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT	TÍN CHỈ				
				TỔNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	NÂNG CAO	KHÁC
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3		5	4	1		
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4		5	4	1		
1.1.6. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 10 tín chỉ								
Các môn học bắt buộc (7 TC)				7	7			
1	MAT1001	Toán cao cấp		5	5			
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất		2	2			
Các môn học tự chọn (3 TC)				3	3			
1	MIS1004	Tin học ứng dụng		3	3			
2	GEN1107	Logic học		3	3			
1.1.7. Khoa học pháp lý: 6 tín chỉ								
Các môn học bắt buộc (6 TC)				6	6			
1	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật		3	3			
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp		3	3			
1.1.8. Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ								
1.1.9. Giáo dục quốc phòng: 165 tiết (tương ứng 8 tín chỉ)								
1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 64 tín chỉ								
1.2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành: 12 tín chỉ								
Các môn học bắt buộc (12TC)				12	9	3		

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT	TÍN CHỈ				
				TỔNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	NÂNG CAO	KHÁC
1	MIS1006	Kỹ thuật lập trình	MIS1003	3	2	1	Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
2	MIS1008	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	MIS1006	3	2	1		
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu		3	2	1		
4	ACC1023	Kế toán tài chính	ACC1013	3	3			
1.2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành: 52 tín chỉ								
Các môn học bắt buộc (40TC)				40	26	14		
1	MIS1002	Giới thiệu ngành TMĐT		2	2		Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
2	MIS1003	Tin học cơ sở		2	0	2		
3	MIS1034	Thương mại điện tử		3	3		Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
4	MIS1010	Mạng máy tính		3	2	1		
5	MIS1048	An toàn bảo mật TMĐT		3	3			
6	MIS1050	Đồ họa Web và đa phương tiện		3	2	1		
7	MIS1017	Phân tích & thiết kế Hệ thống thông tin	MIS1011	3	2	1		
8	MIS1040	Marketing điện tử	BUS1200	3	3		Môn tài năng	Bắt buộc SV TN

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT	TÍN CHỈ				
				TỔNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	NÂNG CAO	KHÁC
9	MIS1046	Pháp luật Thương mại điện tử		3	3		Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
10	MIS1042	Thanh toán điện tử		3	3		Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
11	MIS1041	Quản lý chuỗi cung ứng trong Thương mại điện tử		2	2			
12	MIS1012	Thiết kế & Lập trình Web kinh doanh	MIS1006	3	2	1	Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
13	MIS1038	Quản lý dự án Thương mại điện tử		2	2			
14	MIS1030	Chiến lược Thương mại điện tử		2	2			
15	MIS1051	Nghiên cứu thị trường trực tuyến		3	2	1		
Các môn học tự chọn (12 TC)				6				
1	MIS1044	Thương mại di động		3	3		Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
2	MIS1031	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	Chọn 1 trong 3	3	3			
3	MIS1015	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP		3	2	1		

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC TIỀN QUYẾT	TÍN CHỈ				
				TỔNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	NÂNG CAO	KHÁC
4	MIS1049	Phát triển ứng dụng di động		3	3		Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
5	MIS1045	Phân tích dữ liệu Web	Nhóm E-marketing	3	2	1		
6	MIS1048	Thương mại trên mạng xã hội		3	2	1	Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
7	GEN1109	Nghệ thuật lãnh đạo (Leadership)	Nhóm Quản trị	3			Môn tài năng	Bắt buộc SV TN
8	BUS1301	Văn hóa doanh nghiệp		3	3			
9	BUS1116	Quản trị bán hàng		3	3			
10	MIS1025	Thiết kế & lập trình Web nâng cao	Nhóm Xây dựng giải pháp TMĐT	3	2	1		
11	MIS1026	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở		3	2	1		
1.2.3. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp: 10 tín chỉ							Môn tài năng	Bắt buộc SV TN

7.4 Danh mục các môn học tài năng:

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	PHẦN MỞ RỘNG			
			ĐỒ ÁN/ĐỀ TÀI (ĐÁNH DẤU X VÀO MỘT TRONG HAI HÌNH THỨC SAU)		LÝ THUYẾT BỔ SUNG	THÍ NGHIỆM/ THỰC HÀNH BỔ SUNG
			LỚP RIÊNG	KHÔNG CÓ LỚP RIÊNG		
1.	GEN1108	Phương pháp NCKH	X			
2.	GEN1109	Leadership	X			
3.	BC 01	Thực tập tốt nghiệp		X		
4.	KL 01	Khóa luận tốt nghiệp		X		
5	MIS1006	Kỹ thuật lập trình		X		
6	MIS1002	Giới thiệu ngành TMĐT		X		
7	MIS1034	Thương mại điện tử		X		
8	MIS1040	Marketing điện tử		X		
9	MIS1046	Pháp luật Thương mại điện tử		X		
10	MIS1042	Thanh toán điện tử		X		
11	MIS1012	Thiết kế & Lập trình Web kinh doanh		X		
12	MIS1044	Thương mại di động		X		
13	MIS1049	Phát triển ứng dụng di động		X		
14	MIS1048	Thương mại trên mạng xã hội		X		

8. Dự kiến Kế hoạch giảng dạy:

HỌC KỲ I – 22 TC (không bao gồm giáo dục thể chất)

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	20	18	2			
1	GEN1001	Những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin	5	5				
2	ECO1001	Kinh tế học vi mô 1	3	3				
3	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)	3	3				
4	MAT1001	Toán cao cấp (5TC)	5	5				
5	MIS1002	Giới thiệu ngành (411)	2	2		Môn tài năng		
6	MIS1003	Tin học cơ sở	2	0	2			
		Môn học tự chọn	2	2				
7	GEN1101	Tâm lý học đại cương	2 môn chọn 1	2	2			
8	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2			
9	GEN1004	Giáo dục thể chất 1	3	3				

HỌC KỲ II – 21 TC

Stt	Mã MH	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	17	16	1			
1	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3				
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3				
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	3				
4	BUS 1100	Quản trị học căn bản	3	3				
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2				MAT1001
6	MIS1006	Kỹ thuật lập trình	3	2	1	Môn tài năng		
		Môn học tự chọn	4					
7	GEN1105	Văn hóa học	2 môn chọn 1	2	2			
8	GEN1106	Xã hội học		2	2			
9	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2 môn chọn 1	2	2			
10	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2			
11	GEN1005	Giáo dục thể chất 2	2	2				
12	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)	165t					

HỌC KỲ III (NĂM 2): 23 TC

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	21	20	1			
1	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3				
2	BUS 1200	Marketing căn bản	3	3				
3	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3				ECO1001 ECO1002
4	ACC1023	Kế toán tài chính	3	3				ACC1013
5	MIS1010	Mạng máy tính	3	3				
6	MIS1008	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1			MIS1006
7	GEN1108	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3		Môn tài năng lớp riêng		
		Môn học tự chọn	2					
8	BUS 1303	Kỹ năng làm việc theo nhóm	2	2				
9	MIS1004	Tin học ứng dụng	3	2	1			
10	GEN1107	Logic học	3	3				

HỌC KỲ IV: 18TC

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	18	14	4			
1	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2				
2	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2				
3	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	1	1			
4	MIS1034	Thương mại điện tử	3	3		Môn tài năng		
5	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1			
6	MIS1050	Đồ họa Web và đa phương tiện	3	2	1			
7	MIS1017	Phân tích & thiết kế Hệ thống thông tin	3	2	1		MIS1011	

HỌC KỲ V: 17TC

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	14	12	2			
1	MIS1040	Marketing điện tử	3	3		Môn tài năng	BUS1200	
2	MIS1041	Quản lý chuỗi cung ứng trong TMĐT	2	2				
3	MIS1012	Thiết kế & Lập trình Web Kinh doanh 1	3	2	1	Môn tài năng		MIS1006

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
4	MIS1044	Thương mại di động	3	3		Môn tài năng		
5	MIS1049	Lập trình Mobile	3	2	1	Môn tài năng		
6	GEN1109	Nghệ thuật lãnh đạo	3	3		Môn tài năng lớp riêng		

HỌC KỲ VI: 10 TC

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	13	12	1			
1	MIS1038	Quản lý dự án Thương mại điện tử	2	2				
2	MIS1030	Chiến lược Thương mại điện tử	2	2				
3	MIS1051	Nghiên cứu thị trường trực tuyến	3	2	1			
4	MIS1048	Thương mại trên mạng xã hội	3	2	1	Môn tài năng		

HỌC KỲ VII: 9TC

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	9	9				
1	MIS1048	An toàn và bảo mật TMĐT	3	3		Môn tài năng		
2	MIS1046	Pháp luật Thương mại điện tử	3	3				
3	MIS1042	Thanh toán điện tử	3	3		Môn tài năng		

HỌC KỲ VIII: 10TC

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
1		Thực tập tốt nghiệp	4		4	Môn tài năng		
2		Khóa luận tốt nghiệp	6		6	Môn tài năng		

KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1		Đầu vào A2
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1		ENG1001
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1		ENG1002
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1		ENG1003

Lưu ý: Sinh viên phải hoàn thành 130 tín chỉ để được nhận bằng tốt

KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG (chọn 12 tín chỉ theo khối tự chọn mở rộng)

*Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục **chính** nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục **phụ** trên bảng điểm tốt nghiệp*

Chương trình giáo dục: Kinh tế học (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			
2	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			
3	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	4			
4	ECO1008	Kinh tế công	3	3			
5	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
2	ECO1023	Chính sách công	4	4			
3	ECO1025	Quản lý công	3	3			
4	ECO1014	Kinh tế phát triển	3	3			
5	ECO1009	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3			
6	ECO1008	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1510	Luật thương mại quốc tế	3	3			
2	COM1011	Logistics	3	3			
3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3			
5	COM1006	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3	3			
2	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	3			
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			

4	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3			
5	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Ngân hàng (chọn 12 TC)

ST T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			
2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			
5	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
6	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

Chương trình giáo dục: Tài chính doanh nghiệp (chọn 12 TC)

ST T	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
2	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
3	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			
4	FIN1104	Thuế	3	3			
5	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
6	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			

Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1023	Kế toán tài chính	4	4		ACC1013	
2	ACC1502	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
3	ACC1063	Kế toán phần hành 1	3	3		ACC1013	
4	ACC1153	Thuế - thực hành và khai báo	3	3			
5	ACC1582	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1033	Kế toán tài chính 1	3	3		ACC1013	
2	ACC1043	Kế toán tài chính 2	3	3		ACC1013	
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
4	ACC1083	Kế toán quốc tế	3	3		ACC1013	
5	ACC1583	Phân tích báo cáo tài chính	3	3		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	MIS1017	Phân tích & Thiết kế Hệ thống thông tin quản lý	3	3		MIS1011	
2	MIS1015	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP	3	2	1	MIS1015	
3	MIS1016	Tích hợp quy trình kinh doanh với các	3	2	1		

		hệ thống ERP – P2					
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
5	MIS1033	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	3	2	1		MIS1011

Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC)
(sinh viên chọn 1 trong 3 nhóm)

Nhóm 1: E- marketing

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
1	MIS1031	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử (e-CRM)	3	3				
2	MIS1045	Phân tích dữ liệu WEB	3	2	1			
3	MIS1048	Thương mại trên mạng xã hội	3	2	1	Môn tài năng		
4	MIS1044	Thương mại di động	3	3		Môn tài năng		

Nhóm 2: Quản trị (Operations)

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS1301	Văn hoá doanh nghiệp	3	3				
2	BUS1116	Quản trị bán hàng						
3	MIS1015	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP	3	2	1			
4	MIS1044	Thương mại di động	3	3		Môn tài năng		

Nhóm 3: Xây dựng giải pháp TMĐT

Stt	Mã môn học	Môn học	Tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Nâng cao	Tích lũy	Đã học và thi
1	MIS1025	Thiết kế & Lập trình Web nâng cao	3	2	1		MIS1012	
2	MIS1049	Phát triển ứng dụng di động	3			Môn tài năng		
3	MIS1044	Thương mại di động	3	3		Môn tài năng		
4	MIS1026	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1	Môn tài năng		

Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS 1103	Quản trị nguồn nhân lực	3				
2	BUS 1105	Quản trị chiến lược	3				
3	BUS 1205	Quản trị marketing	3				
4	BUS 1207	Quản trị truyền thông	3				
5	BUS 1210	Nghiên cứu marketing	3				
6	BUS 1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3				
7	BUS 1308	Kỹ năng bán hàng	3				

Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102
3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1107
4	LAW1109	Tổ tụng dân sự	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1109 LAW1113

Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1207

9. Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp

9.1 Thực tập tốt nghiệp:

9.1.1 Chuẩn bị:

Đầu học kỳ VII, Khoa gặp gỡ sinh phổ biến về kế hoạch thực tập tốt nghiệp: Thời gian, yêu cầu doanh nghiệp thực tập, đề tài báo cáo, nội dung báo cáo,...; Định hướng cho sinh viên chọn đề tài báo cáo; Quy trình sinh viên liên hệ tìm doanh nghiệp thực tập (tự liên hệ và với sự hỗ trợ của Trung tâm hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp của Trường); Trả lời các câu hỏi của sinh viên;....

Khoa cung cấp giấy giới thiệu cho sinh viên và mọi hỗ trợ cần thiết để sinh viên liên hệ doanh nghiệp thực tập.

Sau khi liên hệ được doanh nghiệp thực tập, sinh viên đăng ký sơ bộ đề tài báo cáo tốt nghiệp, với đề nghị giảng viên hướng dẫn nếu có thỏa thuận với giảng viên.

Khoa phân công giảng viên hướng dẫn cho từng sinh viên.

Cuối học kỳ VII, Sinh viên gặp gỡ giảng viên hướng dẫn, trao đổi cụ thể về kế hoạch thực tập tốt nghiệp và viết báo cáo thực tập.

9.1.2 Thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp và viết báo cáo:

- Sinh viên sẽ xin triển khai đề tài khóa luận của mình tại doanh nghiệp và theo sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn
- Kết thúc thời gian thực tập (10 tuần), sinh viên nộp báo cáo và nhận xét đánh giá của doanh nghiệp thực tập.
- Sinh viên hoàn thành đề tài để chuẩn bị báo cáo khóa luận.

9.2 Làm khóa luận tốt nghiệp

- Khoa phân công giảng viên hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận.
- Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian từ khi sinh viên học chuyên đề đến khi kết thúc thực tập.
- Sinh viên viết đề cương chi tiết về khóa luận, nộp cho giảng viên hướng dẫn.
- Giảng viên hướng dẫn góp ý, chỉnh sửa Đề cương chi tiết.
- Bộ môn góp ý về đề cương chi tiết của sinh viên.
- Sinh viên vừa thực tập tại doanh nghiệp (hoặc với giáo viên hướng dẫn) vừa triển khai để hoàn thành khóa luận.
- Giảng viên hướng dẫn viết nhận xét với điểm đánh giá.
- Khóa luận được phản biện và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng

❖ Thỏa thuận của các đơn vị, cơ sở bên ngoài về việc nhận sinh viên thực tập:

Trường đại học Kinh tế - Luật có ký thỏa thuận hợp tác với nhiều doanh nghiệp, đơn vị trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là những đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thương mại điện tử, bao gồm những doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên thực tập. Các doanh nghiệp, đơn vị mà Trường đại học Kinh tế - Luật đã ký thỏa thuận hợp tác là: Công ty Cổ phần VNG, Công ty CP Thế giới di động, Công ty Golden Digital, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), Công ty CP Global Cybersoft, Công ty DCA Creative, Công ty TNHH Web7mau, Công ty CP Smartlink, Công ty Giải Pháp Điện tử E-Solution, CT TNHH Phần mềm E Việt (Viet Software),...

10. Tóm tắt đề cương môn học

STT	Tên môn	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết	Mô tả nội dung môn học
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin (THEORIES OF MAC-LENIN)	5	không	Môn học bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của nó. - Triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phép biện chứng duy vật và Chủ nghĩa duy vật lịch sử - KTCT Mác – Lênin bao gồm: Học thuyết giá trị; Học thuyết giá trị thặng dư và Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước. - CNXH khoa học bao gồm: Sứ mệnh của giai cấp công nhân và tiến trình cách mạng XHCN và Các quy luật kinh tế, chính trị, xã hội của CNXH
2	Đường lối cách mạng của ĐVN	3	không	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam là hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam. Đường lối cách mạng được thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết của Đảng. Đường lối cách mạng của Đảng toàn diện và phong phú. Có đường lối chính trị chung, xuyên suốt cả quá trình cách mạng, cùng có đường lối cho từng thời kỳ lịch sử. Đường lối đúng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng, quyết định vị trí, uy tín của Đảng đối với quốc gia dân tộc. Việc nghiên cứu đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam góp phần làm sáng tỏ vai trò nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	không	Tư tưởng Hồ Chí Minh là một môn học trong hệ thống các môn lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin. tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh được ví như “chủ nghĩa Mác- Lê nin của Việt Nam”. Bởi thực chất Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của sự vận

				dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lê nin vào điều kiện cụ thể của nước ta. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong gần 80 năm qua và hiện nay cùng với chủ nghĩa Mác- Lê nin tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và dân tộc ta trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh. Vì vậy đây là một môn học vô cùng quan trọng mà mọi sinh viên, mỗi công dân Việt Nam yêu nước cần quan tâm học tập, nghiên cứu và vận dụng nó vào cuộc sống.
4	Tâm lý học (FUNDAMENTAL PSYCHOLOGY)	2	Triết học	Thông qua môn học sinh viên có khả năng nắm được những đặc điểm đặc trưng, cơ chế nảy sinh, hình thành và biểu hiện cụ thể của các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người qua đó biết vận dụng những hiểu biết về tâm lý vào trong giao tiếp ứng xử và trong cuộc sống lao động, học tập.
5	Nhập môn khoa học giao tiếp (INTRODUCTION TO SCIENCE COMMUNICATION)	2	không	Môn học bao gồm 9 chương. Qua đó giới thiệu cho sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản về giao tiếp, truyền thông; thế nào là hành vi, nguồn gốc của hành vi. Đồng thời sinh viên nhận thức nhu cầu là động lực giúp con người hành động và tự đánh giá mình. Sinh viên nhận thức được về các yếu tố của truyền thông không lời và truyền thông có lời từ đó biết cách cải tiến truyền thông có lời hiệu quả để tăng cường và phát triển mối quan hệ...
6	Phương pháp nghiên cứu khoa học (RESEARCH METHODOLOGY)	2	Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất	Môn “Phương pháp nghiên cứu khoa học” được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề

				<p>ngiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô. Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học như thế nào.</p>
7	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork)	2	Quản trị học, Marketing căn bản	<p>Kỹ năng làm việc nhóm là một trong những kỹ năng mềm rất cần thiết trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Muốn có kỹ năng làm việc nhóm tốt, các sinh viên phải hiểu rõ các lý thuyết cơ bản và bản chất quá trình nhóm làm việc, đồng thời các sinh viên phải vận dụng, phải quan sát và trải nghiệm thực tế để tự rút ra các bài học. Sinh viên sẽ có thể áp dụng được các kỹ năng làm việc nhóm vào quá trình học tập; thành lập, xây dựng nhóm, phân công công việc hợp lý; xây dựng được quy tắc làm việc chung trong nhóm; biết cách áp dụng các nguyên tắc và các kỹ năng cơ bản trong làm việc nhóm; thực hành được một số kỹ năng làm việc nhóm như: kỹ năng trình bày, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng tổ chức cuộc họp, kỹ năng lãnh đạo; và duy trì được tinh thần làm việc đồng đội hiệu quả.</p> <p>Môn học này phục vụ cho rất nhiều đối tượng: làm việc trong kinh doanh, hành chính, trong nhóm công tác xã hội, làm việc với cộng đồng,.... Đặc biệt đối với sinh viên, kỹ năng làm việc nhóm sẽ giúp các bạn hòa nhập nhanh chóng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp và thăng tiến sự nghiệp.</p>
8	Xã hội học (SOCIOLOGY)	2	không	<p>Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học..., môn học còn giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình</p>

				thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).
9	Văn hóa học (CULTURISM)	2	không	Trang bị cho sinh viên các kiến thức, phương pháp học tập, nghiên cứu sau: - Phương pháp, đối tượng nghiên cứu văn hoá học. - Khái niệm văn hoá, văn minh, các trào lưu, trường phái văn hoá học. - Phương pháp ứng dụng văn hoá học trong kinh tế, du lịch. - Chủ trương, chính sách văn hoá, văn hoá học trong bối cảnh mới.
10	Địa chính trị thế giới (POLITIC POLICIES IN THE WORLD)	2	không	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, trên cơ sở đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.
11	Quan hệ quốc tế (INTERNATIONAL RELATIONS)	2	không	Môn học sẽ nghiên cứu về các chủ thể trong quan hệ quốc tế, quyền lực trong quan hệ quốc tế, Hệ thống quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Hợp tác và hội nhập trong quan hệ quốc tế
12	Kinh tế vi mô 1 (MICROECONOMICS)	3	Toán cao cấp	Bao gồm những nội dung cơ bản của kinh tế vi mô: Cung cầu thị trường, cân bằng cung cầu, hành vi người tiêu dùng, doanh nghiệp và sản xuất, lý thuyết chi phí, thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, độc quyền nhóm, cạnh tranh độc quyền, thị trường yếu tố sản xuất....

13	Kinh tế vĩ mô 1 (MACROECONOMICS)	3	Toán cao cấp, Kinh tế học vi mô	Môn học gồm 9 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản phân tích tương tác giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản. Gồm các nội dung cơ bản sau: - Tính sản lượng quốc gia và thu nhập quốc dân - Xác định tổng cung, tổng cầu, chính sách tài khoá - Thị trường tiền tệ và chính sách tiền tệ - Lạm phát và thất nghiệp - Nền kinh tế mở - Tăng trưởng và phát triển kinh tế
14	Quản trị học căn bản (MANAGEMENT THEORIES)	3	không	Môn học cung cấp cho người học những nguyên lý và kỹ thuật cần được thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành các tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những khía cạnh của môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức và tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Nguyên tắc, hình thức và nguồn thông tin; thông tin trong tổ chức và quản trị thông tin như thế nào? Các mô hình và khái niệm cơ bản được các nhà quản trị trong tổ chức sử dụng để đưa ra các quyết định. Bốn chức năng quản trị cơ bản: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.
15	Nguyên lý kế toán (PRINCIPLES OF ACCOUNTING)	3	không	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kế toán như vai trò, chức năng, nhiệm vụ, ... của kế toán; Ngoài ra môn học này còn giúp sinh viên nắm chắc nội dung các phương pháp và nguyên tắc kế toán tạo tiền đề giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu các môn kế toán ngành.
16	Nguyên lý thị trường tài chính (ECONOMICS OF MONEY AND FINANCIAL MARKETS)	3	Kinh tế học căn bản	Gồm những kiến thức liên quan đến công cụ, kỹ năng, phương pháp tư duy kinh tế ở một số nguyên lý kinh tế cơ bản như: cấu trúc và tổ chức của thị trường tài chính trong và ngoài nước; giải thích phạm trù tài chính, vai trò ngân sách nhà nước; một cách tiếp cận đơn giản với vấn đề lựa chọn tài sản đầu tư (lý thuyết

				lượng cầu tài sản); khái niệm về sự cân bằng, phân tích cung cầu; phân tích biến động và cấu trúc rủi ro của lãi suất; hoạt động trên thị trường ngoại hối; chênh lệch thông tin (lựa chọn nghịch và rủi ro đạo đức).....
17	Marketing căn bản (PRINCIPLES OF MARKETING)	3	không	Môn học Marketing căn bản tập trung giảng dạy các lý thuyết cơ bản về phân tích môi trường marketing, khách hàng, ngành và đối thủ cạnh tranh; phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; và một số vấn đề liên quan đến sản phẩm, định giá, phân phối bán hàng và chiêu thị và Thương hiệu.
18	Hệ thống thông tin kinh doanh (Business Information System)	2	không	Môn học gồm 2 phần: Phần I: Giới thiệu các khái niệm cơ bản như Tổ chức, Doanh nghiệp, Nghiệp vụ trong doanh nghiệp, Hệ thống quản trị doanh nghiệp và đặc biệt là khái niệm ERP (Enterprise Resource Planning – Hoạch định nguồn lực trong doanh nghiệp). Trình bày các qui trình, giai đoạn và những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng & triển khai các Hệ thống ERP, vai trò của ERP đối với việc hỗ trợ quản trị doanh nghiệp. Trong phần này, sinh viên được tiếp cận cũng như thực hành trên Hệ thống ERP được xem là có qui mô lớn nhất hiện nay trên toàn thế giới là SAP ERP với gói Dataset GBI phiên bản 2.1 2011 (gói này chứa dữ liệu của doanh nghiệp mẫu Global Bike Incorporated do SAP xây dựng để phục vụ cho việc đào tạo về ERP cho các trường đại học có tham gia chương trình SAP UAP – University Alliances Program, trong đó trường đại học Kinh tế - Luật là một thành viên). Phần II: Trình bày các phân hệ chuẩn của SAP ERP và các qui trình nghiệp vụ chủ chốt là Kế toán (Accounting), Bán hàng (Fulfillment), Mua hàng (Procurement). Trình bày sự tích hợp của các qui trình này trong một Hệ thống ERP qua các Master data, tính Cross-functional giữa

				các qui trình để tạo nên một Hệ thống nghiệp vụ thống nhất.
19	Kinh tế quốc tế (International Economics)	2	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô	Môn học gồm 7 chương, xem phần nội dung chi tiết môn học.
20	Toán cao cấp (Higher Mathematics)	5	không	<p>Phần đầu của môn học trang bị các kiến thức nhập môn về đại số tuyến tính (ĐSTT) và một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT trong kinh tế, đặc biệt là quan hệ tuyến tính (QHTT).</p> <p>Phần 2 trang bị kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, sơ lược về tích phân bội và phương trình vi phân, các ứng dụng cơ bản của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế. Nội dung bao gồm: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; không gian R^n; giá trị riêng, vector riêng của ma trận; dạng toàn phương; một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT và QHTT trong kinh tế; bài toán QHTT và phương pháp đơn hình, bài toán QHTT đối ngẫu. Hàm nhiều biến, sơ lược về giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến, đạo hàm riêng và vi phân, cực trị địa phương và cực trị toàn cục của hàm hai biến; sơ lược về tích phân kép và phương trình vi phân cấp 1, cấp 2; ứng dụng của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.</p>
21	Lý thuyết xác suất (PROBABILITY AND STATISTICS)	2	Toán cao cấp	Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản và cốt lõi của lý thuyết xác suất nhằm giúp sinh viên hiểu được các hiện tượng ngẫu nhiên - đối tượng nghiên cứu cơ bản của xác suất; hiểu và biết tính khả năng xảy ra (xác suất) của các biến cố ngẫu nhiên và biết áp dụng một cách thích hợp trong thực tiễn. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên một số quy luật phân phối

				xác suất cơ bản thông dụng làm nền tảng cho các môn Thống kê ứng dụng và Kinh tế lượng.
22	Tin học ứng dụng (Applying Informations)	3	không	Môn học gồm 5 phần : - Phần một đề cập đến một số kiến thức đại cương về tin học - Phần hai cung cấp kiến thức cơ bản về mạng, Internet và phương pháp tìm kiếm thông tin hiệu quả trên Internet (Google). - Phần ba cung cấp kiến thức về những tính năng mở rộng của các phần mềm trong bộ Office: PowerPoint, Word, Excel để thực hiện trình bày báo cáo - Phần bốn trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản quản lý dữ liệu trên máy tính và tìm hiểu phần mềm bảng tính excel và quản lý CSDL Access - Phần năm: sinh viên tìm hiểu về hệ thống thông tin cách thức triển khai hệ thống thông tin hiện nay
23	Logic học (LOGIC)	3	không	Môn học này được biên soạn dựa vào chương trình giáo dục đại học Đại cương do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành năm 1995, mã số 051 (TR) 201 Nhập môn Logic học Chương trình giảng dạy trên lớp là 45 tiết (tương đương 3 đơn vị học trình). Môn học giới thiệu 6 chương: đại cương về logic, Những quy luật cơ bản của tư duy, Khái niệm, Phán đoán, Suy luận, Chứng minh, bác bỏ ngụy biện và những bài tập ứng dụng nhằm cung cấp 1 số kiến thức logic căn bản như là phương tiện tối thiểu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng tư duy cho người học, giúp người học tư duy nhanh, chính xác, lập luận chặt, chứng minh, bác bỏ một cách thuyết phục, trình bày tư tưởng ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc, biết phát hiện đúng sai, tráo trở, ngụy biện trong lập luận của người khác.
24	Lý luận nhà nước và pháp luật (FUNDAMENTALS OF LEGISLATION)	3	không	Nội dung môn học bao gồm 7 chương về các vấn đề của pháp luật và hệ thống luật Việt Nam

25	Luật doanh nghiệp (Corporation law)	3	không	<p>Những nội dung cơ bản về doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về loại hình doanh nghiệp, mô tả cơ bản quy chế pháp lý về từng loại hình doanh nghiệp;</p> <p>Trong từng nội dung cụ thể, nội dung của môn học sẽ giúp người học tiếp cận từng vấn đề cụ thể trong việc tổ chức quản trị doanh nghiệp, quy định về quy chế tài chính của doanh nghiệp và quan hệ pháp lý giữa chủ sở hữu với doanh nghiệp, các thành viên công ty với nhau;</p> <p>Nội dung môn học còn giúp người học nắm rõ quy chế pháp lý về tổ chức lại doanh nghiệp như chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và chuyển đổi các loại hình doanh nghiệp.</p>
26	Kỹ thuật lập trình (Programming Techniques)	3	Tin học cơ sở	<p>Môn học gồm 3 phần :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần một ôn tập lại về các kiến thức cơ bản trong lập trình, kỹ năng xác định bài toán và thành lập giải thuật, kỹ năng đọc và phân tích mã lệnh của chương trình. - Phần hai cung cấp kiến thức từ cơ bản đến nâng cao về lập trình Windows Form, lập trình với bộ thư viện COM của Microsoft Office, phối hợp các kiến thức để viết một ứng dụng quản lý. - Phần ba trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu trúc dữ liệu và các thuật toán phổ biến, cách thức phát triển phần mềm hướng đối tượng.
27	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (data structure and algorithm)	3	Tin học cơ sở, Kỹ thuật lập trình	<p>Tìm hiểu cách thức xây dựng cấu trúc cho bài toán lập trình tìm hiểu về mảng, list, heap, cây ... và cách thức thao tác trên các cấu trúc dữ liệu trên. Đồng thời tìm hiểu các xử lý thuật toán trong tìm kiếm và sắp xếp. Đánh giá và phân tích tốc độ các thuật toán.</p>
28	Cơ sở dữ liệu (DATABASE)	3	không	<p>Môn học gồm 4 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần một: Giới thiệu, thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ: giúp cho sinh viên nắm được như thế nào là lược đồ cơ sở dữ liệu quan hệ, vai trò của cơ sở dữ liệu trong hệ thống thông tin, từ khảo sát hiện trạng, phân tích được các yêu cầu, đưa ra các

				<p>thiết kế luận lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần hai: Ngôn ngữ truy vấn dữ liệu có cấu trúc – SQL: cung cấp các cú pháp, phép toán, hàm và dạng truy vấn khai thác thông tin. - Phần ba: Chuẩn hóa CSDL, giới thiệu các dạng chuẩn, đưa ra các giải pháp để tối ưu hóa cơ sở dữ liệu. - Phần bốn: Viết phần mềm khai thác CSDL trên C# theo mô hình 3 lớp.
29	Kế toán tài chính (Financial Accounting)	3	Nguyên lý kế toán	<p>Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, các nghiệp vụ và phương pháp, trình tự hạch toán kế toán của một số phần hành kế toán (kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản nợ phải thu – các khoản ứng trước, kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán lương và các khoản trích theo lương, kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm).</p>
30	Giới thiệu ngành TMĐT (Introduction to Electronic Commerce Course)	2	không	<p>Với mục tiêu môn học giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngành Thương mại điện tử và trang bị cho sinh viên những kỹ năng và phương pháp học đại học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng viết báo cáo, giao tiếp văn bản và trình bày ý kiến. Môn học này còn giới thiệu đến sinh viên chi tiết từng môn học và từng chuỗi môn học thuộc chương trình đào tạo cũng sẽ được giới thiệu để sinh viên có thể định hướng rõ ràng trong học tập, khám phá tiềm năng của bản thân để lựa chọn nghề nghiệp phù hợp và cảm hứng để học ngành đã chọn. Sinh viên được tham quan và tìm hiểu thực tế doanh nghiệp, khảo sát các ngành nghề kinh doanh thông qua các website thương mại điện tử trên Internet. Từ đó, sinh viên có thể hình thành những ý tưởng và lập kế hoạch đơn giản về kinh doanh và quản trị trong thương mại điện tử trong lĩnh vực cụ thể.</p>

31	Tin học cơ sở (INTRODUCTION TO COMPUTER AND PROGRAMMING)	2	không	Một số kiến thức nền về dữ liệu, thông tin, xử lý thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành. Trình bày cách sử dụng các phần mềm văn phòng và truy cập Internet. các kiến thức sơ đẳng về ngôn ngữ lập Trình làm nền cho các môn học lập Trình và tin học quản lý trong các học kỳ sau.
32	Thương mại điện tử (E-COMMERCE)	3	Quản trị học căn bản	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về TMĐT cũng như các vấn đề cần nắm bắt liên quan đến phát triển hệ thống TMĐT, xây dựng dự án kinh doanh thương mại điện tử.
33	Mạng máy tính (Computer Networks)	3	không	Môn học gồm 3 phần: lý thuyết về mạng, lý thuyết về bảo mật, lập trình mạng cơ bản
34	An toàn và bảo mật TMĐT (INFORMATION SECURITY)	3	Tin học cơ sở, Mạng máy tính	Môn học gồm 8 chương, xem phần chi tiết nội dung môn học.
35	Đồ họa web và đa phương tiện (Web graphic and multimedia)	3	Tin học cơ sở	Môn học này giới thiệu những nguyên tắc trong thiết kế đồ họa website và đa phương tiện. Sinh viên được giới thiệu và hướng dẫn làm quen với các công cụ thiết kế và biên tập truyền thông đa phương tiện cũng như các kỹ năng xử lý hình ảnh, âm thanh, video, rich media cơ bản
36	Phân tích và thiết kế HTTT (Analysis and Design of Management Information System)	3	Tin học cơ bản, Nhập môn cơ sở dữ liệu, Kỹ thuật lập trình	Môn học gồm 4 phần: - Phần một: giới thiệu & ôn lại các kiến thức về hệ thống thông tin nói chung và hệ thống thông tin quản lý nói riêng; trình bày các giai đoạn & các phương pháp được ứng dụng tại mỗi giai đoạn của quá trình phân tích & thiết kế, ưu khuyết điểm của các phương pháp; thực trạng ứng dụng và triển khai hệ thống thông tin quản lý tại nước ta hiện nay, các thuận lợi, khó khăn cũng như xu hướng phát triển, các vị trí công việc có liên quan. - Phần hai: trình bày cụ thể từng giai đoạn như khảo sát hiện trạng, phân tích yêu cầu, thiết kế các thành phần, đề xuất các giải pháp xây dựng, ...

37	Marketing điện tử (E-Marketing)	3	Marketing căn bản, Thương mại điện tử	<p>Môn học gồm 4 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần I: Tổng quan về E-marketing: Giới thiệu toàn cảnh về E-marketing: Quá khứ hiện tại và tương lai, thực trạng E-marketing ở Việt Nam, cách xây dựng chiến lược, kế hoạch E-marketing cũng như việc đo lường hiệu quả mà E-marketing mang lại. - Phần II: Môi trường E-marketing: Các vấn đề về thị trường toàn cầu, tính đạo đức và pháp lý có ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch E-marketing. - Phần III: Chiến lược E-marketing: Các thành tố quan trọng để hình thành nên chiến lược E-marketing: Nghiên cứu E-marketing, hành vi khách hàng trực tuyến, việc phân khúc, xác định thị trường mục tiêu, khác biệt hóa và định vị thương hiệu. Giới thiệu các chiến lược về sản phẩm, về giá và kênh phân phối. - Phần IV: Triển khai kế hoạch E-marketing: Các kiến thức tổng quát giúp cho việc triển khai được một kế hoạch E-marketing.
38	Pháp luật TMĐT (E-commerce Law)	3	Pháp luật đại cương	Môn học này cung cấp các kiến thức căn bản về luật và pháp lý liên quan đến thương mại điện tử.
39	Thanh toán điện tử (E-Payments)	3	Thương mại điện tử	<p>Môn học gồm 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần một: giới thiệu những vấn đề cơ bản về thanh toán điện tử. - Phần hai: trình bày chi tiết các vấn đề về bảo mật trong thanh toán điện tử. - Phần ba: giới thiệu các phương pháp thanh toán điện tử.
40	Quản lý chuỗi cung ứng trong TMĐT (Supply Chain Management in Commerce)	2	Thương mại điện tử, Quản trị học, Hệ thống tin trong kinh doanh	Nội dung của môn học cung cấp cho sinh viên một cái nhìn tổng quát về sự cần thiết của Quản trị chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp. môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về Quản trị chuỗi cung ứng, tập trung vào Quản trị chuỗi cung ứng trong TMĐT (từ mạng phân phối đến khách hàng). Bên cạnh đó môn học còn cung cấp thêm công cụ và kỹ năng để sinh viên có thể cài đặt, thao tác trên hệ thống SCM mã nguồn mở.

41	Thiết kế và lập trình web kinh doanh (Business website designing and programming)	3	Tin học đại cương, Kỹ thuật lập trình, Mạng máy tính	Môn học cung cấp cho sinh viên các khái niệm căn bản của quá trình thiết kế, xây dựng và triển khai một ứng dụng web trong kinh doanh, kiến thức cơ bản về lập trình web phía máy khách (client) gồm HTML, CSS, lập trình JavaScript.
42	Quản lý dự án TMĐT (E-COMMERCE PROJECT MANAGEMENT)	2	Thương mại điện tử	Môn học này cung cấp các kiến thức cơ bản về quản lý dự án thương mại điện tử từ quy trình tổng quát cho đến quy trình chi tiết của từng khía cạnh cần quản lý của dự án như thời gian, chất lượng, chi phí,... Ứng với mỗi tiến trình, sinh viên sẽ được tìm hiểu về cách thức lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, điều khiển và giám sát các công việc.
43	Chiến lược TMĐT (E-COMMERCE STRATEGY)	2	Thương mại điện tử	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập chiến lược thương mại điện tử và biết vận dụng kiến thức cơ bản đó để lập chiến lược thương mại điện tử. Ngoài ra còn cung cấp một số kiến thức, rèn luyện kỹ năng, phát bản thân, giao tiếp và làm việc nhóm. {định nghĩa rõ thế nào là chiến lược thương mại điện tử}
44	Nghiên cứu thị trường trực tuyến (ONLINE MARKET RESEARCH)	3	Marketing căn bản, Lý thuyết xác suất.	Những vấn đề cơ bản lý thuyết và thực tiễn của nghiên cứu thị trường trực tuyến: cơ sở, thiết kế nghiên cứu, chọn mẫu, nghiên cứu định tính, thu thập số liệu, xử lý số liệu và báo cáo kết quả
45	Thương mại di động (M-COMMERCE)	3	Mạng máy tính, An toàn và Bảo mật, Marketing căn bản	Các kiến thức tổng quan công nghệ di động Giới thiệu về thương mại di động Phát triển kinh doanh trên di động: mô hình kinh doanh, thanh toán, quảng cáo
46	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử (Electronic Customer Relationship Management)	3	Thương mại điện tử, Hệ thống thông tin kinh doanh, Marketing điện tử, Quản trị học căn bản	Tìm hiểu kiến thức về quản trị quan hệ khách hàng điện tử, sự khác biệt giữa quản trị quan hệ khách hàng điện tử và quản trị quan hệ khách hàng truyền thống. Tìm hiểu quy trình nghiệp vụ về mối quan hệ khách hàng, các đối tượng tham gia trực tiếp vào quy trình này (Doanh nghiệp, khách hàng, nhà quản lý, nhân viên kinh doanh). Trang bị các kiến thức

				về xây dựng, phát triển và lập kế hoạch dự án triển khai hệ quản trị quan hệ khách hàng.
47	Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP 1 (INTEGRATED BUSINESS PROCESSES WITH ERP SYSTEMS)	3	Hệ thống thông tin kinh doanh	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin doanh nghiệp – ERP system. Trong đó, môn học trình bày các khái niệm liên quan đến tổ chức, quy trình nghiệp vụ kinh doanh trong tổ chức và sự hỗ trợ của hệ thống thông tin doanh nghiệp trong quá trình tin học hóa hoạt động kinh doanh.
48	Lập trình Mobile ((MOBILE PROGRAMMING)	3		Môn học lập trình Mobile cung cấp các kiến thức về nền tảng di động Android, kiến trúc, thành phần cũng như môi trường phát triển ứng dụng Android. Môn học sử dụng công cụ lập trình hiện đại Android Studio, các android emulator giúp thuận tiện trong quá trình triển khai dự án. Môn học trình bày cách sử dụng các layout, các view cũng như kỹ thuật xử lý sự kiện để giúp người học có được cách nhìn tổng quan về cách thức thiết kế giao diện phần mềm cũng như các nghiệp vụ tương tác người dùng, Các kiến thức về việc lưu trữ dữ liệu như Shared Preference, Sqlite giúp quản lý dữ liệu local một cách hiệu quả. Môn học còn cung cấp kiến thức về chuyên hoạt ứng dụng giúp cho giao diện thêm đẹp mắt, các kiến thức về lập trình đa tuyến giúp phần mềm có thể cập nhật giao diện thời gian thực cũng như việc tải dữ liệu từ internet một cách mượt mà. Các kiến thức nâng cao về Android cũng được trình bày kỹ lưỡng trong môn học này như Broadcast receiver, tương tác dịch vụ internet: SOAP, RestFul, Google Map, Firebase Cloud Message, Google Admob. Cuối cùng môn học cung cấp cách thức đăng ký tài khoản cũng như đóng gói, chuẩn hóa ứng dụng để đưa lên chợ ứng dụng Google Play nhằm thương mại hóa phần mềm.

49	Phân tích dữ liệu Web (Web data analytics)	3	Cơ sở dữ liệu, Thiết kế và lập trình Web TMDT, Thương mại điện tử.	Xu hướng phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt là thế hệ web 2.0 đã hình thành nên một xu thế kinh doanh, quản lý và giao tiếp xã hội mới. Điều này dẫn đến hành vi của con người cũng thay đổi theo. Chính vì vậy, việc sử dụng và khai thác các website và các công cụ trực tuyến ngày càng hiệu quả. Các giao dịch mua bán, trao đổi thông tin hầu như được người dùng thực hiện trực tuyến trên website và các công cụ trực tuyến đó. Vì vậy, việc quản lý và phân tích dữ liệu từ các giao dịch đó phát sinh thêm nhiều vấn đề phức tạp, đặc biệt là dữ liệu phát sinh liên tục và đa dạng từ nhiều nguồn khác nhau dẫn đến khó quản lý và phân tích để làm thế nào hiểu được khách hàng, phân tích được tình hình kinh doanh của công ty. Phân tích dữ liệu Web sẽ giúp người quản lý giải quyết điều khó khăn đó. Với mục tiêu là thu thập, phân tích, báo cáo những dữ liệu được giao dịch từ các website (gồm cả dữ liệu có cấu trúc và không có cấu trúc), phân tích dữ liệu Web được áp dụng để hỗ trợ đánh giá tình hình hoạt động cũng như xây dựng chiến lược kinh doanh, quản lý trong ngắn và dài hạn của công ty.
50	Thương mại trên mạng xã hội (Social commerce)	3	Thương mại Điện tử, Thương mại Di động, Marketing căn bản, Marketing điện tử, Thanh toán Điện tử.	Các khái niệm, nền tảng và công cụ thương mại trên mạng xã hội, cách tiếp cận khách hàng, xây dựng chiến lược tiếp thị, bán hàng; thực hành kinh doanh trên facebook, zalo, instagram

51	Văn hóa doanh nghiệp (Corporate culture)	3	Triết học, Quản trị học	<p>Người học sẽ được trang bị những kiến thức tổng quan về văn hóa, văn hóa doanh nghiệp; văn hóa kinh doanh, chức năng của văn hóa trong kinh doanh của doanh nghiệp; các phương diện hay nội dung cơ bản của văn hóa doanh nghiệp</p> <p>Người học sẽ được học những kiến thức về những đặc điểm văn hóa của các dân tộc trên thế giới dựa trên các chiều kích văn hóa là cột rế của các hành xử của doanh nghiệp (dimensions) được nghiên cứu bởi các nhà nghiên cứu lớn về văn hóa chủ yếu là của 2 cây đại thụ người Hà Lan là Geert Hofstede và Fons Trompenaars và một học giả Mỹ là Edgar Schein mà hầu như trường đại học nào cũng sử dụng trong chương trình quản trị kinh doanh của mình</p> <p>Đó là các chiều kích về: khoảng cách quyền lực (power distance); chống bất định (uncertainty avoidance) nam tính-nữ tính (masculinity vs femininity); chủ nghĩa cá nhân - chủ nghĩa tập thể (individualism vs collectivism); định hướng dài - ngắn hạn (long vs short term orientation); trọng giá trị chung - trọng giá trị riêng (universalism vs particularism); tách bạch - nhập nhằng trong các mối quan hệ xã hội (specific vs diffuse); trọng kết quả - trọng quan hệ (deal focus vs relationship focus); biểu hiện công khai cảm xúc – kìm nén cảm xúc (affective vs neutral); mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên (how we relate to nature) và quan niệm của con người về thời gian (how we manage time).</p> <p>Đặc biệt là: Từ những chiều kích lớn ấy sẽ thấy được các hệ lụy của nó trong các khía cạnh của kinh doanh và quản trị, ...</p> <p>Từ mỗi chiều kích nói trên giảng viên sẽ liên hệ đến Việt Nam và phân tích những tác động tích và tiêu cực của nó đối với các hành xử của doanh nghiệp Việt Nam.</p> <p>- Người học cũng sẽ học được những yếu</p>
----	---	---	-------------------------	--

				<p>tổ chủ yếu của văn hóa doanh nghiệp; cách thức hình thành, cách đánh giá, các bước xây dựng và thay đổi văn hóa doanh nghiệp.</p> <p>- Từ những kiến thức đó, nếu là nhân viên thì sẽ hội nhập nhanh vào văn hóa doanh nghiệp không bị sốc văn hóa; nếu là lãnh đạo thì có thể có những kiến thức cơ bản để hình thành và thay đổi văn hóa doanh nghiệp khi cần thiết.</p>
52	Quản trị bán hàng (SALES MANAGEMENT)	3	Quản trị học, Marketing căn bản	<p>Môn học bao gồm những nội dung sau: Khái quát về quản trị bán hàng; Lập kế hoạch bán hàng; Tổ chức lực lượng bán hàng; Quản lý năng suất của lực lượng bán hàng; Xây dựng lực lượng bán hàng; Tuyển dụng, tuyển chọn và huấn luyện; Lãnh đạo trong quản trị bán hàng</p>
53	Thiết kế và lập trình web nâng cao (Advanced website designing and programming)	3	Thiết kế và lập trình WEB kinh doanh	<p>Môn học cung cấp cho sinh viên các khái niệm xây dựng và triển khai một ứng dụng web trong kinh doanh, kiến thức về lập trình web phía máy chủ (server) ASP.NET Web Form và ASP.NET MVC</p>
54	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở (Developing application by open sources)	3	Kỹ thuật lập trình, Cấu trúc dữ liệu, Thiết kế web trong kinh doanh.	<p>Tìm hiểu về chính sách, giấy phép phần mềm, do khi chọn một phần mềm dùng mã nguồn mở cũng như mã nguồn đóng. Tìm hiểu về công đồng nguồn mở tìm hiểu về một số cộng đồng nguồn mở giúp định hướng phát triển ứng dụng nhanh và tiện lợi. Tìm hiểu các ứng dụng mã nguồn mở cơ bản cho một doanh nghiệp và có khả năng Xây dựng phần mềm mã nguồn mở cho như cầu cơ bản của doanh nghiệp. Bên cạnh đó Khai thác phần mềm mã nguồn mở và phát triển ứng dụng mã nguồn mở. Đồng thời sinh viên sẽ có các kỹ năng cài đặt mã, cấu hình và bổ sung nguồn mở website để phát triển ứng dụng hoàn chỉnh cho doanh nghiệp.</p>

11. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

11.1 Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Chức danh KH, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Hồng Nga	1968	PGS	TS	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
2	Hà Thanh Minh	1962		ThS - 1994	Kinh tế	Đường lối cách mạng của ĐVN
3	Nguyễn Thị Thu Trang	1981		ThS - 2009	Luật kinh tế	Pháp luật đại cương
4	Đào Thị Thu Hằng	1977		ThS - 2006	Luật kinh tế	Luật doanh nghiệp
5	Lê Anh Vũ	1958	PGS - 2006	TS - 1990	Hình học – Tô pô	Toán cao cấp
6	Phạm Hoàng Uyên	1976		TS - 2010	Toán (XSTK)	Lý thuyết xác suất
7	Nguyễn Thị Lan Anh	1969		TS - 2014	Tài chính	Nguyên lý kế toán
8	Phan Đức Dũng		PGS	TS - 2001	Kế toán	Kế toán tài chính
9	La Xuân Đào	1959	GVC	TS - 2012	Kinh tế	Lý thuyết kiểm toán
10	Hoàng Thọ Phú	1971		ThS - 1996	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý thị trường tài chính
11	Đỗ Đức Khả	1965	GVC - 2006	ThS -	Quản trị kinh doanh	Quản trị học căn bản
12	Phạm Thế Tri	1953		TS - 2002	Kinh tế, quản lý và kế hoạch hóa kinh tế quốc dân	Marketing căn bản

TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Chức danh KH, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
13	Trần Thị Ánh	1986		ThS - 2015	Hệ thống thông tin quản lý	Thiết kế & Lập trình Web kinh doanh Thiết kế & Lập trình Web nâng cao
14	Phạm Mạnh Cường	1986		ThS - 2011	Hệ thống thông tin quản lý	Pháp luật Thương mại điện tử Marketing điện tử Thanh toán điện tử
15	Trương Hoài Phan	1976		ThS - 2002	Tin học	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở Cấu trúc dữ liệu
16	Hồ Trung Thành	1975		ThS - 2009	Khoa học máy tính	Giới thiệu ngành Thiết kế & Lập trình Web kinh doanh 2 Phân tích dữ liệu Web
17	Nguyễn Duy Nhất	1980		ThS - 2006	Tin học	Cơ sở dữ liệu Đồ án ngành
18	Ngô Cao Định	1982		ThS - 2008	Tin học	Tin học cơ sở Quản lý dự án thương mại điện tử
19	Lê Hoàn Sử	1978		ThS - 2009	Hệ thống thông tin	Marketing điện tử Chiến lược Thương mại điện tử
20	Trần Quang Thân	1966		ThS - 2015	Quản trị kinh doanh	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Cơ sở dữ liệu

TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Chức danh KH, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
21	Triệu Việt Cường	1982		ThS - 2008	Quản trị kinh doanh	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin
22	Vũ Thúy Hằng	1988		ThS – 2013	Hệ thống thông tin quản lý	Hệ thống thông tin kinh doanh Tích hợp quy trình kinh doanh với ERP
23	Lê Hải Nam	1982		ThS - 2007	Khoa học máy tính	Mạng máy tính Thương mại di động
24	Lê Thị Kim Hiền	1990		ThS – 2015	Hệ thống thông tin quản lý	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP P2 Hệ thống thông tin kế toán
25	Nguyễn Anh Tuấn	1982		TS - 2011	Thương mại điện tử	Chiến lược Thương mại điện tử Khởi nghiệp thương mại điện tử
26	Phan Công Chính	1976		TS		Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP Hệ thống thông tin doanh nghiệp
27	Lê Quốc Hiếu	1976		TS - 2014	Quản trị Kinh doanh	Thương mại điện tử Hệ thống thông tin kế toán
28	Vũ Văn Điệp	1970		ThS - 2015	Quản trị kinh doanh	Kế toán tin học Hệ thống thông tin kế toán
29	Nguyễn Thôn Dã	1980		ThS -	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin

TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Chức danh KH, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
				2013	quản lý	kinh doanh Tin học ứng dụng Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
30	Nguyễn Quang Hưng	1981		ThS - 2016	Thương mại điện tử	Hệ thống thông tin kinh doanh An toàn và bảo mật Hệ thống thông tin Chuyên đề khởi nghiệp Quản trị quan hệ khách hàng điện tử
31	Trần Duy Thanh	1983		ThS - 2015	Thương mại điện tử	Kỹ thuật lập trình Tin học cơ sở Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Lập trình web kinh doanh Lập trình web nâng cao Lập trình di động

11.2 Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm	Cơ quan công tác hiện tại
--------------	--	--------------------------------------	-------------------------------------	----------------------------	-----------------------------------	----------------------------------

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm	Cơ quan công tác hiện tại
1	Lê Tuyết Ánh	GVC.ThS			- Tâm lý học - Nhập môn khoa học giao tiếp	ĐH Khoa học XH & NV
2	Đào Minh Hồng	TS			Quan hệ quốc tế	ĐH Khoa học XH & NV
3	Chu Duy Ly	ThS			Quan hệ quốc tế	ĐH Khoa học XH & NV
4	Trần Nam Tiến	PGS.TS			Địa chính trị thế giới	ĐH Khoa học XH & NV
5	Phạm Đình Nghiệm	PGS.TS			- Logic học - Phương pháp nghiên cứu khoa học	ĐH Sài Gòn
6	Nguyễn Anh Thường	TS				ĐH Khoa học XH & NV
7	Nguyễn Ngọc Thơ	TS			Văn hóa học	ĐH Khoa học XH & NV
8	Lê Thị Ngọc Diệp	TS				ĐH Khoa học XH & NV
9	Phạm Khánh Bằng	GVC.ThS			- Đường lối CM ĐCSVN	Học viện hành chính khu vực II
10	Đinh Thị Điều	GVC.ThS			- Tư tưởng	Học viện hành chính khu vực II

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm	Cơ quan công tác hiện tại
11	Nguyễn Thị Hoa Phượng	GVC.ThS			HCM	Học viện hành chính khu vực II

12. Danh sách cố vấn học tập

STT	Cố vấn học tập
1	TS. Hồ Trung Thành
2	ThS. Trương Hoài Phan
3	ThS. Nguyễn Duy Nhất (NCS)
4	ThS. Nguyễn Quang Hưng
5	TS. Lê Hoàn Sử
6	ThS. Trần Thị Ánh
7	ThS. Vũ Thúy Hằng
8	ThS. Trần Duy Thanh

13. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

13.1 Phòng học: Tại cơ sở nhà điều hành và học tập của Trường đại học Kinh tế - Luật thuộc ĐHQG TP.HCM tại Khu phố 3 - Phường Linh Xuân - Quận Thủ Đức

13.2 Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính/thực hành

TT	TÊN PTN	ĐỊA ĐIỂM	ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN	GHI CHÚ
1	Phòng Lab Business Intelligence	KP3, P. Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	
2	Phòng máy 1	KP3, P. Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	
3	Phòng máy 2	KP3, P. Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	

4	Phòng máy 3	KP3, P. Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	
5	Phòng máy 4	KP3, P. Linh Xuân, TĐ	Trường ĐHKT-Luật	

13.3 Hội trường: Trường đại học Kinh tế-Luật có 1 hội trường với tổng diện tích 923 m² được trang bị hiện đại, sử dụng cho hoạt động công tác của Trường và các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào của sinh viên.

13.4 Thư viện:

❖ Thư viện của Trường Đại học Kinh tế-Luật: được trang bị máy tính kết nối internet

1	Diện tích	m ²	395
2	Số đầu sách	Quyển	926
3	Số đầu sách về Kinh doanh quốc tế	Quyển	168

❖ Thư viện Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh: Thư viện trung tâm ĐHQG TP. HCM với diện tích khoảng 9.000m² được trang bị đầy đủ các tài liệu, giáo trình, sách nghiên cứu, báo và các tạp chí, thư viện điện tử, ... phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học của toàn bộ sinh viên, giảng viên thuộc các trường thành viên ĐHQG TP. HCM.

13.5 Giáo trình, tập bài giảng của ngành đào tạo

STT	MÔN HỌC	TÊN GIÁO TRÌNH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	NĂM XB
1	Tin học cơ sở	Microsoft Visual C# 2008: An Introduce to Object Oriented Programming	Joyce Farrell	Cengage Learning	2009
2	Kỹ thuật lập trình	Cơ sở lập trình	Ngô Cao Định Phạm Công Thành Nguyễn Thôn Dã	ĐHQG TP.HCM	2015
3	Toán cho tin học	Toán rời rạc	Nguyễn Duy Nhất, Nguyễn Văn Phong, Đinh Ngọc Thanh	ĐHQG TP.HCM	2010

STT	MÔN HỌC	TÊN GIÁO TRÌNH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	NĂM XB
4	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Cấu trúc dữ liệu minh họa bằng C#	Trương Hoài Phan Hồ Trung Thành	ĐHQG TP.HCM	2009
5	Tin học ứng dụng	Tin học ứng dụng	Trương Hoài Phan, Ngô Cao Định, Phạm Công Thành, Lê Hải Nam, Vũ Thúy Hằng, Vũ Văn Điệp	NXB ĐHQG TP.HCM	2015
6	Hệ thống thông tin kinh doanh	Essentials of Business Processes and Information Systems	Simha R. Magal Jeffrey Word	WILEY	2011
7	Cơ sở dữ liệu	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Nguyễn Duy Nhất	ĐHQG TP.HCM	2015
8	Mạng máy tính	Giáo Trình Hệ Thống Mạng Máy Tính CCNA Semester 1	Nguyễn Hồng Sơn	Lao động - Xã hội	2007
9	Hệ thống thông tin quản lý	Management Information System: Managing the firm, 12th Ed.	Jane P. Laudon, Kenneth C. Laudon	Prentice Hall	2012
10	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	MODERN DATABASE MANAGEMENT 10th	Jeffrey A. Hoffer	Prentice Hall	2010
11	Thiết kế & Lập trình Web Kinh doanh	Thiết kế và Lập trình Web bằng ASP	Lê Đình Duy	ĐHQG TP.HCM	2009
12	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý	“Systems Analysis and Design”, 9th Edition,	K. Kendall & J. Kendall	Prentice Hall, Pearson Education	2014
13	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP	Integrated Business processes with ERP System	Simha R. Magal Jeffrey Word	WILEY	2011

STT	MÔN HỌC	TÊN GIÁO TRÌNH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	NĂM XB
14	Khai phá dữ liệu & Nhà kho dữ liệu	Khai phá dữ liệu trong kinh doanh	Nguyễn Duy Nhất Hồ Trung Thành	ĐHQG TP.HCM	2015
15	Quản trị dự án hệ thống thông tin	A Guide to The Project Management Body of Knowledge	Project Management Institute	Project Management Institute	2013
16	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Fundamentals Of Information Systems Security, 3 edition	David Kim, Michael G. Solomon	Jones & Bartlett Learning	2016
17	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	Professional SQL Server Integration Services	Brian Knight	A John Wiley & Sons Inc	2012
18	Thương mại điện tử	Thương mại điện tử	Hồ Trung Thành Lê Hoàng Sử	ĐHQG TP.HCM	2014
19	Kế toán tin học	SSP Accounting	Vũ Văn Điệp		2014
20	Thiết kế & Lập trình Web nâng cao	Professional ASP.NET MVC 5	Jon Galloway, Brad Wilson, K. Scott Allen, David Matson	Wrox	2014
21	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP 2	Integrated Business processes with ERP System	Simha R. Magal Jeffrey Word	WILEY	2011
22	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	The Open Source Perspective	Diomidis Spinesllis	Addison-Wesley Professional;	2003
23	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information Systems ,13th Edition	Marshall Romney, Paul Steinbart	Pearson Education	2015

STT	MÔN HỌC	TÊN GIÁO TRÌNH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	NĂM XB
24	Lập Trình cơ sở dữ liệu	Mastering C# Database Programming	Jason Price	Wiley	2003
25		Big Data và Ứng dụng trong kinh doanh	TS. Lê Hoàn Sử, ThS. Triệu Việt Cường, ThS. Vũ Thúy Hằng, ThS. Lê Thị Kim Hiền, TS, Hồ Trung Thành	NXB ĐHQG	2017
26	Lập trình di động	Phát triển ứng dụng di động cơ bản	TS. Lê Hoàn Sử, TS. Hồ Trung Thành, ThS. Trần Duy Thanh	NXB ĐHQG	2017
27	Lập trình di động	Phát triển ứng dụng di động nâng cao	TS. Lê Hoàn Sử, TS. Hồ Trung Thành, ThS. Trần Duy Thanh	NXB ĐHQG	2017
28	Mạng máy tính	Mạng máy tính và bảo mật	ThS. Lê Hải Nam	NXB ĐHQG	2017

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình: Chương trình dự kiến áp dụng từ năm học 2017 – 2018

15. Dự kiến kế hoạch kiểm định chương trình đào tạo:

Chương trình sẽ được cập nhật định kỳ 2 năm 1 lần và có thay đổi lớn định kỳ 4 năm 1 lần. Trong 4 năm, khoa sẽ tiến hành khảo sát lấy ý kiến sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp và những nhà chuyên môn để hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu cao nhất cho xã hội.

**TM BCN KHOA
TRƯỞNG KHOA**

HIỆU TRƯỞNG

TS. HỒ TRUNG THÀNH

PGS. TS NGUYỄN TIẾN DŨNG